

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2025/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 11 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT**Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập
giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”;

Căn cứ Thông tư số 33/2021/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình xóa mù chữ;

Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”;

Xét Tờ trình số 2077/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Nội dung chi và mức chi

1. Chi tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời hằng năm: Thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Chi công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục: Thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Chi kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập: Thực hiện theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Những nội dung chi, mức chi có liên quan không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo các quy định được dẫn chiếu tại Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” và các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bởi văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước hàng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Nguồn kinh phí huy động từ các nguồn tài trợ, đóng góp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Các nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 69/2024/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Nghị quyết số 56/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị)

Phụ lục I**CHI TỔ CHỨC TUẦN LỄ HƯỞNG ỨNG HỌC TẬP SUỐT ĐỜI HÀNG NĂM**

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (vnd)	Ghi chú
I	Tại cấp tỉnh			
1	Chi khánh tiết (bao gồm thuê rạp, bàn ghế, maket, trang trí, loa máy, văn nghệ, hoa tươi, nước uống...)	Lần/năm	45.000.000	01 lần/năm
2	Sách tặng các đơn vị cấp xã trong Lễ Khai mạc	Thùng/đơn vị	3.500.000	
3	Quà tặng người học có thành tích xuất sắc	Suất	500.000	
4	Ban chỉ đạo	Người/ngày	200.000	
5	Tổ giúp việc	Người/ngày	150.000	
II	Tại cấp xã			
1	Chi khánh tiết (bao gồm thuê rạp, bàn ghế, maket, trang trí, loa máy, văn nghệ, hoa tươi, nước uống...)	Lần/năm	30.000.000	01 lần/năm
2	Quà tặng các cơ sở giáo dục trong Lễ Khai mạc (sách, thiết bị phục vụ hoạt động dạy học)	Thùng/đơn vị	2.000.000	
3	Quà tặng người học có thành tích xuất sắc	Suất	500.000	
4	Ban chỉ đạo	Người/ngày	150.000	
5	Tổ giúp việc	Người/ngày	100.000	

Phụ lục II
CHI CÔNG TÁC XÓA MÙ CHỮ VÀ PHỔ CẬP GIÁO DỤC

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (vnd)	Ghi chú
1	Tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả Điều tra thống kê xóa mù chữ và phổ cập giáo dục cấp xã	Xã/năm	4.000.000	
2	Hỗ trợ thực hiện điều tra thống kê phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Ngày/người	200.000	
3	In phiếu điều tra thống kê phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Phiếu	500	
4	Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, xăng xe và các khoản chi phí khác để thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến công tác điều tra thống kê xóa mù chữ và phổ cập giáo dục	Người/đợt điều tra	150.000	Mỗi năm điều tra 01 đợt
5	Chi thấp sáng ban đêm đối với các lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm.	Buổi/lớp	10.000	
6	Chi mua sổ sách, theo dõi quá trình học tập, sách giáo khoa dùng chung			
	- Học bạ học viên	Cuốn	15.000	Khi ứng dụng CNTT thì không chi các mục này
	- Sổ tổng hợp đánh giá kết quả giáo dục	Cuốn	20.000	
	- Sổ chủ nhiệm	Cuốn	10.000	
- Mua tài liệu, sách giáo khoa dùng chung và các học phẩm, đồ dùng khác cho lớp học	Lớp/kỳ học	1.000.000		
7	Hỗ trợ cho người tham gia hoạt động tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp học xóa mù chữ	01 đối tượng đến lớp và hoàn thành chương trình học	120.000	
8	Hỗ trợ người dân tham gia học và hoàn thành chương trình xóa mù chữ (Chỉ áp dụng khi người học xóa mù chữ chưa được hưởng hỗ trợ kinh phí trong các chính sách xóa mù chữ khác)	Người	1.000.000	Chi sau khi hoàn thành chương trình XMC
9	Hỗ trợ tiền nước uống, sinh hoạt (Chỉ áp dụng khi người học xóa mù chữ chưa được hưởng hỗ trợ tiền nước uống, sinh hoạt trong các chính sách xóa mù chữ khác)	Người/giai đoạn	100.000	

Phụ lục III
CHI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI/CÔNG NHẬN
CÁC MÔ HÌNH HỌC TẬP

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (vnd)	Ghi chú
1	Tiếp nhận, tổng hợp, rà soát, kiểm tra, xử lý thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận các mô hình học tập	Ngày/người	300.000	
2	Họp Hội đồng đánh giá			
	- Chủ tịch Hội đồng	Ngày/người	420.000	
	- Phó Chủ tịch Hội đồng	Ngày/người	380.000	
	- Thành viên Hội đồng, thư kí	Ngày/người	300.000	